ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3335 /QĐ-UBND	*Sóc Trăng, ngày 19 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân loại cấp độ dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

HỎA TỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19";

Căn cứ Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19".

Căn cứ Quyết định số 2750/QĐ-UBND ngày 16/10/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định tạm thời các biện pháp hành chính "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19" theo từng cấp độ dịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại cấp độ dịch Covid-19 để áp dụng các biện pháp hành chính "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19" trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

1. Đối với cấp xã:

- Cấp 1 - Nguy cơ thấp (vùng xanh): 49 đơn vị.
- Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng): 34 đơn vị.
- Cấp 3 - Nguy cơ cao (vùng cam): 26 đơn vị.

2. Đối với cấp huyện:

- Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng): 08 đơn vị.
- Cấp 3 - Nguy cơ cao (vùng cam): 03 đơn vị.

3. Đối với cấp tỉnh: Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2.

1. Thời gian áp dụng **từ 00 giờ 00, ngày 20/11/2021**. Riêng đối với các đơn vị nếu chuyển từ cấp độ dịch thấp sang cấp độ dịch cao hơn thì thời gian áp dụng sau 48 giờ so với thời gian quy định tại Điều này.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 3239/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân loại cấp độ dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3.

1. Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng căn cứ vào phân loại cấp độ dịch Covid-19 tại Quyết định này để áp dụng các biện pháp hành chính "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19" trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 2750/QĐ-UBND ngày 16/10/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

2. Hàng tuần, Sở Y tế chủ trì, phối hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ diễn biến tình hình dịch Covid-19, kịp thời tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh phân loại cấp độ dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng để áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 phù hợp.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh có trách nhiệm cập nhật Bản đồ cấp độ dịch Covid-19 tỉnh Sóc Trăng theo Quyết định của UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế, Bộ GTVT;
- BCĐQG phòng, chống dịch Covid-19;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- BCĐ phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh;
- Cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Trần Văn Lâu

PHỤ LỤC
PHÂN LOẠI CẤP ĐỘ DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 3335 /QĐ-UBND ngày 19 / 11 /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Stt	Đơn vị	Số ca mắc/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
I	**HUYỆN CHÂU THÀNH**	**141**		**X**		
1	Xã An Hiệp	163			**X**	
2	Thị trấn Châu Thành	197			**X**	
3	Xã Phú Tân	65		**X**		
4	Xã An Ninh	57		**X**		
5	Xã Hồ Đắc Kiện	30	**X**			
6	Xã Phú Tâm	127		**X**		
7	Xã Thiện Mỹ	144		**X**		
8	Xã Thuận Hòa	224			**X**	
II	**HUYỆN CÙ LAO DUNG**	**67**		**X**		
9	Xã An Thạnh 1	27	**X**			
10	Thị trấn Cù Lao Dung	32	**X**			
11	Xã Đại Ân 1	20	**X**			
12	Xã An Thạnh 2	157			**X**	
13	Xã An Thạnh Nam	7	**X**			
14	Xã An Thạnh 3	59		**X**		
15	Xã An Thạnh Đông	56		**X**		
16	Xã An Thạnh Tây	59		**X**		
III	**HUYỆN KẾ SÁCH**	**217**			**X**	
17	Xã Xuân Hòa	95		**X**		
18	Thị trấn An Lạc Thôn	94		**X**		
19	Xã Trinh Phú	120		**X**		
20	Thị trấn Kế Sách	419			**X**	
21	Xã Thới An Hội	684			**X**	
22	Xã An Lạc Tây	38	**X**			
23	Xã An Mỹ	172			**X**	
24	Xã Ba Trinh	63		**X**		
25	Xã Đại Hải	2	**X**			
26	Xã Kế An	324			**X**	

Stt	Đơn vị	Số ca mắc/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
27	Xã Kế Thành	172			X	
28	Xã Nhơn Mỹ	83		X		
29	Xã Phong Nẫm	36	X			
IV	**HUYỆN LONG PHÚ**	**59**		X		
30	Xã Tân Thạnh	37	X			
31	Xã Long Đức	25	X			
32	Xã Tân Hưng	40	X			
33	Xã Long Phú	20	X			
34	Xã Trường Khánh	69		X		
35	Xã Hậu Thạnh	9	X			
36	Xã Châu Khánh	82		X		
37	Thị trấn Đại Ngãi	6	X			
38	Thị trấn Long Phú	139		X		
39	Xã Phú Hữu	9	X			
40	Xã Song Phụng	20	X			
V	**HUYỆN MỸ TÚ**	**130**		X		
41	Xã Thuận Hưng	75		X		
42	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	237			X	
43	Xã Mỹ Thuận	293			X	
44	Xã Mỹ Phước	34	X			
45	Xã Long Hưng	144		X		
46	Xã Hưng Phú	82		X		
47	Xã Mỹ Hương	50	X			
48	Xã Mỹ Tú	29	X			
49	Xã Phú Mỹ	79		X		
VI	**HUYỆN MỸ XUYÊN**	**60**		X		
50	Xã Thạnh Quới	13	X			
51	Xã Đại Tâm	40	X			
52	Xã Tham Đôn	88		X		
53	Xã Thạnh Phú	15	X			
54	Xã Gia Hòa 2	18	X			
55	Thị trấn Mỹ Xuyên	59		X		
56	Xã Hòa Tú 2	26	X			

Stt	Đơn vị	Số ca mắc/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
57	Xã Ngọc Đông	32	X			
58	Xã Ngọc Tố	301			X	
59	Xã Gia Hòa 1	24	X			
60	Xã Hòa Tú 1	10	X			
VII	**HUYỆN THẠNH TRỊ**	**89**		X		
61	Thị trấn Phú Lộc	3	X			
62	Xã Tuân Tức	9	X			
63	Thị trấn Hưng Lợi	25	X			
64	Xã Thạnh Trị	10	X			
65	Xã Lâm Tân	112		X		
66	Xã Thạnh Tân	131		X		
67	Xã Vĩnh Lợi	88		X		
68	Xã Châu Hưng	17	X			
69	Xã Lâm Kiết	243			X	
70	Xã Vĩnh Thành	131		X		
VIII	**HUYỆN TRẦN ĐỀ**	**337**			X	
71	Thị trấn Lịch Hội Thượng	1576			X	
72	Xã Tài Văn	103		X		
73	Thị trấn Trần Đề	338			X	
74	Xã Thạnh Thới Thuận	15	X			
75	Xã Liêu Tú	202			X	
76	Xã Thạnh Thới An	193			X	
77	Xã Đại Ân 2	50	X			
78	Xã Lịch Hội Thượng	222			X	
79	Xã Trung Bình	107		X		
80	Xã Viên An	0	X			
81	Xã Viên Bình	67		X		
IX	**THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG**	**230**			X	
82	Phường 1	15	X			
83	Phường 2	189			X	
84	Phường 3	134		X		
85	Phường 4	122		X		
86	Phường 5	687			X	

Stt	Đơn vị	Số ca mắc/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
87	Phường 6	163			X	
88	Phường 7	86		X		
89	Phường 8	182			X	
90	Phường 9	193			X	
91	Phường 10	746			X	
X	**THỊ XÃ NGÃ NĂM**	**92**		**X**		
92	Phường 1	12	X			
93	Phường 2	253			X	
94	Phường 3	11	X			
95	Xã Mỹ Quới	32	X			
96	Xã Vĩnh Quới	43	X			
97	Xã Tân Long	23	X			
98	Xã Long Bình	67		X		
99	Xã Mỹ Bình	0	X			
XI	**THỊ XÃ VĨNH CHÂU**	**86**		**X**		
100	Xã Vĩnh Hải	33	X			
101	Xã Lạc Hòa	9	X			
102	Phường 1	55		X		
103	Phường 2	18	X			
104	Xã Hòa Đông	21	X			
105	Phường Khánh Hòa	41	X			
106	Xã Vĩnh Hiệp	0	X			
107	Xã Lai Hòa	17	X			
108	Phường Vĩnh Phước	340			X	
109	Xã Vĩnh Tân	128		X		
TOÀN TỈNH		**144**		**X**		
Tổng cộng	**Cấp xã**		**49**	**34**	**26**	
	Cấp huyện		**0**	**8**	**3**	
	Cấp tỉnh			**1**		